

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật độ sâu các đoạn cạn luồng hàng hải Vũng Tàu-Thị Vải

VTU - 24 - 2015

Vùng biển: Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tên luồng: Luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải.

Đoạn luồng: Các đoạn cạn luồng hàng hải Vũng Tàu-Thị Vải.

Căn cứ báo cáo kỹ thuật số 444/BC-XNKSHHMN, ngày 05/5/2015 kèm theo bình đồ độ sâu ký hiệu từ ĐC_VT-TV_1504_01 đến ĐC_VT-TV_1504_16, tỷ lệ 1/2000 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc và hoàn thành tháng 5/2015,

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

1. Trong phạm vi đáy luồng hàng hải thiết kế 310m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải từ phao số “0” đến thượng lưu cảng CMIT + 900m, độ sâu bằng mét tính từ mực nước số “0 Hải đồ” như sau:

1.1. Đoạn luồng từ thượng lưu phao số “0” + 340m đến hạ lưu phao số “1” - 480m:

Tồn tại dải cạn nằm bên phải luồng, kéo dài từ thượng lưu phao số “0” + 500m đến thượng lưu phao số “0” + 573m, chiều dài khoảng 73m, lún luồng xa nhất khoảng 50m, độ sâu nhỏ nhất trong dải cạn là 13,6m.

1.2. Đoạn luồng từ thượng lưu phao số “1” + 900m đến thượng lưu phao số “1” + 1100m, tồn tại các điểm cạn tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
13,6	10 ⁰ 17'59.1"N	107 ⁰ 04'20.4"E	10 ⁰ 17'55.4"N	107 ⁰ 04'26.8"E
13,8	10 ⁰ 17'58.9"N	107 ⁰ 04'20.1"E	10 ⁰ 17'55.2"N	107 ⁰ 04'26.5"E

1.3. Đoạn luồng từ hạ lưu cặp phao số “4”, “5” - 760m đến thượng lưu cặp phao số “4”, “5” + 1140m.

- Tồn tại dải cạn phía bên phải luồng kéo dài từ hạ lưu phao số “5” - 660m đến thượng lưu phao số “5” + 1130m chiều dài khoảng 1705m, lún luồng xa nhất khoảng 150m, độ sâu nhỏ nhất trong dải cạn là 11,6m.

- Tồn tại các điểm cạn tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
13,4	10 ⁰ 19'45.5"N	107 ⁰ 03'04.3"E	10 ⁰ 19'41.8"N	107 ⁰ 03'10.7"E



13,9	10 ⁰ 19'48.5"N	107 ⁰ 03'06.5"E	10 ⁰ 19'44.8"N	107 ⁰ 03'13.0"E
13,9	10 ⁰ 20'13.9"N	107 ⁰ 03'00.5"E	10 ⁰ 20'10.3"N	107 ⁰ 03'06.9"E
13,8	10 ⁰ 20'15.4"N	107 ⁰ 03'00.3"E	10 ⁰ 20'11.7"N	107 ⁰ 03'06.8"E
13,9	10 ⁰ 20'18.7"N	107 ⁰ 03'00.1"E	10 ⁰ 20'15.1"N	107 ⁰ 03'06.6"E
13,9	10 ⁰ 20'24.8"N	107 ⁰ 02'58.1"E	10 ⁰ 20'21.2"N	107 ⁰ 03'04.6"E

1.4. Đoạn luồng từ hạ lưu cặp phao số "13", "14" – 1330m đến thượng lưu cặp phao số "19", "20" + 660m.

- Tồn tại dải cạn nằm bên trái luồng kéo dài từ hạ lưu cặp phao "13", "14" – 1330m đến thượng lưu phao "13" + 1092m, chiều dài khoảng 2448m, lún luồng xa nhất khoảng 64m, độ sâu nhỏ nhất trong dải cạn là 13,0m.

- Tồn tại dải cạn chắn ngang luồng kéo dài từ thượng lưu phao "13" + 1092m đến hạ lưu phao "19" - 710m, chiều dài khoảng 4019m, độ sâu nhỏ nhất ở giữa tim luồng là 12,3m, độ sâu nhỏ nhất trong dải cạn là 11,5m nằm phía bên phải luồng.

- Tồn tại dải cạn nằm bên phải luồng kéo dài từ hạ lưu phao "19" - 710m đến thượng lưu cặp phao "19", "20" + 590m, chiều dài khoảng 1296m, lún luồng xa nhất khoảng 93m, độ sâu nhỏ nhất trong dải cạn là 12,1m nằm rải rác.

Ngoài những điểm cạn và dải cạn nêu trên độ sâu đoạn luồng đạt từ 14,0m trở lên.

2. Trong phạm vi đáy luồng hàng hải thiết kế chiều rộng luồng 310m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải từ thượng lưu cảng CMIT + 900m đến thượng lưu phao số "44" + 22m, độ sâu bằng mét tính từ mực nước số "0 Hải đồ" như sau:

2.1. Đoạn luồng từ thượng lưu phao "30" + 480m đến thượng lưu phao "31" + 180m.

- Tồn tại dải cạn nằm bên trái luồng kéo dài từ thượng lưu phao số "32" + 480m đến hạ lưu phao số "34" – 297m, chiều dài khoảng 194m, lún luồng xa nhất khoảng 40m, độ sâu nhỏ nhất trong dải cạn là 11,3m.

- Tồn tại dải cạn nằm bên phải luồng kéo dài từ thượng lưu phao số "29" + 432m đến hạ lưu phao số "31" – 695m, chiều dài khoảng 93m, lún luồng xa nhất khoảng 12m, độ sâu nhỏ nhất trong dải cạn là 11,8m.

2.2. Đoạn luồng từ thượng lưu phao số "35" + 185m đến thượng lưu phao số "44" + 22m, độ sâu bằng mét tính từ mực nước số "0 Hải đồ" như sau:

- Tồn tại các điểm cạn tại vị trí có tọa độ như sau

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
11,8	10 ⁰ 33'50.1"N	107 ⁰ 00'44.0"E	10 ⁰ 33'46.4"N	107 ⁰ 00'50.4"E
11,3	10 ⁰ 33'51.3"N	107 ⁰ 00'45.4"E	10 ⁰ 33'47.6"N	107 ⁰ 00'51.8"E
11,8	10 ⁰ 33'52.0"N	107 ⁰ 00'46.9"E	10 ⁰ 33'48.3"N	107 ⁰ 00'53.4"E
11,8	10 ⁰ 33'53.9"N	107 ⁰ 00'47.2"E	10 ⁰ 33'50.2"N	107 ⁰ 00'53.6"E
11,8	10 ⁰ 34'34.9"N	107 ⁰ 01'06.9"E	10 ⁰ 34'31.2"N	107 ⁰ 01'13.4"E
11,9	10 ⁰ 34'38.2"N	107 ⁰ 01'07.9"E	10 ⁰ 34'34.5"N	107 ⁰ 01'14.4"E

35001
TỔ
NG TY
: TOÀN
MIỀN
TÁU.T

11,5	10 ⁰ 34'37.9"N	107 ⁰ 01'08.5"E	10 ⁰ 34'34.2"N	107 ⁰ 01'15.0"E
11,7	10 ⁰ 34'36.1"N	107 ⁰ 01'08.2"E	10 ⁰ 34'32.4"N	107 ⁰ 01'14.7"E

- Tồn tại dải cạn nằm bên trái luồng kéo dài từ hạ lưu phao số "44" - 212m đến thượng lưu phao số "44" + 21m, chiều dài khoảng 233m, lần luồng xa nhất khoảng 139m, độ sâu nhỏ nhất đạt 11,7m nằm sát biên luồng.

Ngoài những điểm cạn và dải cạn nêu trên độ sâu đoạn luồng đạt từ 12,0m trở lên.

3. Chướng ngại vật trên luồng:

- Đáy cá nằm bên trái luồng, ở thượng lưu phao số "29" + 180m, lần luồng xa nhất khoảng 25m.

- Đáy cá nằm bên trái luồng, ở hạ lưu phao số "40" - 60m, lần luồng xa nhất khoảng 95m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

Các phương tiện hành hải trên luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải đi đúng trục luồng theo các báo hiệu hàng hải dẫn luồng. Lưu ý các dải cạn, điểm cạn, đáy cá nêu trên để đảm bảo an toàn hàng hải. / *uic*

Nơi nhận:

- Bộ GTVT;
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, KT, HTQT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Đức Thi



Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Cục Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường sông phía Nam
- 5 Cục Cảnh sát biển
- 6 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
 - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu miền Nam (NASOS)
- 7 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 8 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
 - Công ty Vận tải Biển Đông (BISCO)
 - Công ty Vận tải biển container Vinalines (VCSC)
 - Công ty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Công ty CP Hàng hải Đông Đô (DONG DO MARINE)
 - Cty CP VT biển & Hợp tác LĐ Q tế (INLACO SAIGON)
 - Công ty CP Hàng hải Vinalines Nha Trang
- 9 Hiệp hội Cảng biển Việt Nam
- 10 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 11 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 12 Đài Thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 13 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 14 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 15 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (VITRANSCHART)
- 16 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 17 Cty Vận tải Thủy Bắc
- 18 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 19 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 20 Trường Cao đẳng nghề hàng hải TP.HCM
- 21 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 22 Công ty Vitaco
- 23 Cảng Sài Gòn
- 24 XN Tàu dịch vụ dầu khí
- 25 XN Trục Vớt Cứu Hộ Vận Tải I
- 26 Công ty Phương Nam - Bộ Quốc phòng
- 27 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 28 Chi nhánh Tcty BĐATHHMN tại TPHCM
- 29 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ
- 30 Đài Thông tin Duyên hải Vũng Tàu
- 31 Cty TNHH MTV Hoa tiêu KV IX
- 32 XN Hoa tiêu Vũng Tàu
- 33 Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu
- 34 Sở GTVT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- 35 Sở NN&PTNT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

